

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán chi phí lập điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2487/TTr-SXD ngày 17 tháng 8 năm 2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán chi phí lập điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, với các nội dung như sau:

**1.** Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

**2.** Vị trí giới hạn: toàn bộ phạm vi ranh giới hành chính thị trấn Thạnh An, có tứ cận tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Thạnh Tiến và huyện Cờ Đỏ;
- Phía Tây giáp xã Thạnh Thắng và tỉnh Kiên Giang;
- Phía Nam giáp tỉnh Kiên Giang;
- Phía Bắc giáp xã Thạnh An và xã Thạnh Tiến.

**3.** Quy mô quy hoạch:

- Diện tích lập quy hoạch: khoảng 1.879ha.
- Quy mô dân số: khoảng 22.548 người đến 26.306 người.



4. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng: Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh.
5. Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.
6. Cơ quan phê duyệt dự toán kinh phí: Ủy ban nhân dân thành phố.
7. Cơ quan phê duyệt quy hoạch xây dựng: Ủy ban nhân dân thành phố.
8. Nguồn vốn lập quy hoạch xây dựng: Ngân sách nhà nước.

9. Dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng tạm tính đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng: **3.320.146.000 đồng**. (Ba tỷ, ba trăm hai mươi triệu, một trăm bốn mươi sáu ngàn đồng), (đính kèm phụ lục).

Giá trị dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng tạm tính để làm cơ sở quản lý chi phí. Khi thanh quyết toán căn cứ sản phẩm được nghiệm thu theo các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng và các quy định khác có liên quan.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài Chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *na*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - CT UBNDTP;
  - VP UBND TPCT (3D);
  - Công TTĐT TPCT;
  - Lưu: VT, NCH.
- 17617-2487

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đào Anh Dũng**





**PHỤ LỤC**

Dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ)

STT	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Khảo sát xây dựng phục vụ lập đồ án quy hoạch</b>			<b>904.088.000</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình	Gks	Bảng tính	904.088.000
<b>II</b>	<b>Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng</b>			<b>2.376.344.084</b>
2	Chi phí lập đồ án quy hoạch sau thuế	Gqgst	Gqhtt + VAT	1.947.849.288
2.1	Chi phí lập đồ án quy hoạch trước thuế	Gqhtt	$(1.829,31 \text{ triệu đồng} \times 1 \times 1,21) \times 80\%$	1.770.772.080
2.2	Thuế giá trị gia tăng	VAT	10%	177.077.208
3	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch sau thuế	Gnvst	Gnvtt + VAT	34.073.600
3.1	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch trước thuế	Gnvtt	$25,6 \text{ triệu đồng} \times 1 \times 1,21$	30.976.000
3.2	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	VAT	10%	3.097.600
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	K1	$5,96\% \times Gqhtt$	105.538.016
5	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	K2	$20\% \times Gnvtt$	6.195.200
6	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	K3	$5,56\% \times Gqhtt$	98.454.928
7	Chi phí làm mô hình quy hoạch	K4	$24.000.000 \text{ đồng} \times 6\text{m}^2 \times 1,1$	158.400.000
8	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	K5	Bảng tính	16.277.240
9	Chi phí lựa chọn nhà thầu	K6	Bảng tính	9.555.812
<b>III</b>	<b>Tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng</b>			<b>20.896.740</b>
10	Chi phí công bố quy hoạch	K7	Bảng tính	20.896.740
<b>IV</b>	<b>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</b>	<b>K8</b>	<b><math>0,57\% \times \text{Tổng dự toán quy hoạch}</math></b>	<b>18.817.575</b>
	<b>Tổng cộng</b>			<b>3.320.146.000</b>

(Ba tỷ ba trăm hai mươi triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn đồng)